

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM -ST

Ngày: 20 / 01 /2022

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Khánh Phượng

2. Bà Vũ Thị Minh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Như - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, TỈNH N tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, TỈNH N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST-KDTM ngày 22/01/2021 về: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXX- ST ngày 23/4/2021

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số 22 đường N, phường T, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn L.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Ông Nguyễn L ủy quyền cho ông Mai T, chức vụ: Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản theo Giấy ủy quyền số 10771/UQ - PVB ngày 10/6/2020.

Ông T ủy quyền lại cho bà Hồ V, chức vụ: Phó giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản theo Giấy ủy quyền số 11139/UQ - PVB ngày 15/6/2020 và bà Nguyễn X, chức vụ: Giám đốc quản lý khách hàng khu vực miền trung, khối QL & TCTTS, ông Hoàng T, chức vụ: Phó Giám đốc QLKH khu vực miền trung – khối QL & TCTTS; ông Nguyễn Văn L, chức vụ: chuyên viên tổ tụng khối QL & TCTTS, ông Nguyễn Hoàng G, chức vụ: Chuyên viên QLKH – khối QL & TCTTS theo giấy ủy quyền số 13143/UQ – PVB ngày 10/7/2020. Ông L có mặt.

Địa chỉ: Số 02 đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.

Địa chỉ: Số 78 đường T, tổ 17, PHƯỜNG T, thành phố Q, TỈNH N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đình V, chức vụ: Giám đốc. Ông V có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi Hội đồng xét xử tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân PHUỜNG T.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ P, chức vụ: Chủ tịch.
Địa chỉ: Số 212 đường H, thành phố Q, TỈNH N. Ông P có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi Hội đồng xét xử tuyên án.
- Ủy ban nhân dân xã Ba T.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn M, chức vụ: Chủ tịch.
Ông Phạm Văn M đồng thời là Trưởng Ban phát triển Ba T.
Địa chỉ: Xã Ba T, huyện B, TỈNH N. Ông M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/ 12/2020; bản trình bày ngày 15/3/2021; 21/11/2021, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/3/2021 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày:

Vào ngày 13/10/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ (viết tắt là Công ty TNHH MTV xây dựng Đ) có ký Hợp đồng cho vay số 489/2017/HĐTD/PVB – CNQNI.QLTD với Ngân hàng thương mại cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng Đ) vay với số tiền 278.000.000 đồng; Mục đích vay là: Phục vụ hoạt động thi công công trình số 22/2016/HĐ – TCXD ngày 12/12/2016 về việc thi công gói thầu số 5 “Dự án định canh, định cư tập trung Nà Kpác, thôn Gốc, xã Trà T, huyện Tây Trà, thời hạn vay từ ngày giải ngân đến ngày 30/12/2017; phương thức trả nợ: gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng. Ngân hàng Đ đã giải ngân 03 lần tổng cộng với số tiền 277.912.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ đã thế chấp tài sản là quyền đòi nợ tại Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2016/HĐ – TCXD ngày 26/7/2016 giữa Ủy ban nhân dân PHUỜNG T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tịnh Trà (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ) về việc thực hiện Công trình điểm sinh hoạt văn hóa tổ 17 PHUỜNG T, thành phố Q và Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2017/HĐXD ngày 23/01/2017 giữa Ban phát triển Ba T và Công ty TNHH MTV xây dựng Đ về việc thi công gói thầu: Nâng cấp đường giao thông nông thôn tổ Tà Lụi, thôn Kon Riêng, dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên để thế chấp tại Ngân hàng Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 490/2017/HĐBĐ – PVB – CNQNI.QLTD ngày 13/10/2017.

Quá trình vay, tính đến ngày 28/11/2020, Công ty TNHH MTV xây dựng Đ đã thanh toán được số tiền 201.619.086 đồng, nhưng sau đó không thanh toán nữa và đã vi phạm hợp đồng đã ký kết, nhiều lần Ngân hàng đã mời đại diện của Công ty làm việc để đề nghị thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng Đ. Tuy nhiên Công ty Đ vẫn không thanh toán cho Ngân hàng Đ. Tính đến ngày 13/01/2022, Công ty TNHH MTV xây dựng Đ còn nợ Ngân hàng Đ tổng số tiền 155.370.757 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 83.265.713 đồng, lãi trong hạn 332.615 đồng, nợ lãi quá hạn là 71.631.188 đồng, lãi chậm trả đối với lãi trong hạn chậm trả là 141.241 đồng.

Nay Ngân hàng Đ yêu cầu Công ty TNHH MTV xây dựng Đ phải trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng Đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng Đ.

Ngày 11/10/2021 Ngân hàng Đ đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền đòi nợ theo Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2017/HĐXD ngày 23/01/2017 giữa Ban phát triển xã Ba T và Công ty TNHH MTV xây dựng Đ về việc thi công gói thầu: Nâng cấp đường giao thông nông thôn tổ Tà Lụi, thôn Kon Riêng, dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên. Ngân hàng chỉ yêu cầu trường hợp nếu Công ty TNHH MTV xây dựng Đ không trả hoặc trả nợ không đầy đủ các khoản nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ tại Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2016/HĐ – TCXD ngày 26/7/2016 giữa Ủy ban nhân dân PHUỜNG T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tịnh Trà (nay là Công ty TNHH MTV xây dựng Đ) về việc thực hiện Công trình điểm sinh hoạt văn hóa tổ 17 PHUỜNG T, thành phố Q

Người đại diện theo pháp luật cho Công ty TNHH MTV xây dựng Đ là ông Đỗ Đình Vinh vắng mặt trong các lần làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại phiên tòa đại diện Công ty TNHH MTV xây dựng Đ thừa nhận toàn bộ số nợ như A yêu cầu, đồng ý trả khoản nợ nêu trên.

Tại văn bản số 172/UBND ngày 02/6/2021, Biên bản làm việc ngày 10/6/2021 và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân PHUỜNG T trình bày: Năm 2016, Ủy ban nhân dân thành phố Q có chủ trương cho tổ dân phố 17 (nay là tổ 7 PHUỜNG T) xây dựng điểm sinh hoạt văn hóa tổ dân phố với vốn đầu tư là nhà nước và nhân dân cùng làm, trong đó tổ dân phố phải vận động nhân dân đóng góp xây dựng điểm sinh hoạt văn hóa, thì ông Đỗ Đình Vinh công dân tổ 7 xin được nhận thầu cho Công ty TNHH MTV Tịnh Trà (nay là Công ty TNHH MTV Xây dựng Đ). Căn cứ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2016/HĐ-TCXD ngày 26/7/2016 giữa UBND PHUỜNG T và Công ty TNHH MTV Tịnh Trà (nay là Công ty TNHH MTV Xây dựng Đ) về việc thi công xây dựng công trình: Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 17 (nay là tổ 7) PHUỜNG T thành phố Q. Tên giao dịch: Công ty TNHH Một thành viên Tịnh Trà. Số tài khoản giao dịch: 43000052529999 tại Ngân hàng Seabank chi nhánh Q. Căn cứ Phụ lục Hợp đồng số: 05A/2016/HĐ - TCXD ngày 14/11/2016 về việc thay đổi tên công ty và tên tài khoản thanh toán của hợp đồng số 05/2016/ HĐ-TCXD ngày 26/7/2016. Tên giao dịch: Công ty TNHH MTV xây dựng Đ. Số tài khoản giao dịch: 43000052529999 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á chi nhánh Q. Theo yêu cầu của Công ty TNHH MTV xây dựng Đ thì ngày 03/10/2017 bộ phận kế toán của UBND PHUỜNG T đã tham mưu cho lãnh đạo UBND PHUỜNG T xác nhận vào biên bản đối chiếu công nợ kiêm cam kết thanh toán giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q, UBND PHUỜNG T và Công ty TNHH MTV Xây dựng Đ về nội dung: “UBND PHUỜNG T chuyển số tiền 226.887.00 đồng cho Công ty TNHH MTV Xây dựng Đ mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q”. Nhưng sau đó Công ty TNHH MTV Xây dựng Đ làm việc với kế toán UBND PHUỜNG T xin thay đổi Phụ lục Hợp đồng số: 05B/2018/HĐ-TCXD ngày 07/02/2018 về việc thay đổi tên ngân hàng tài khoản giao dịch của nhà thầu. Tên giao dịch: Công ty TNHH MTV xây dựng Đ. Số tài khoản giao dịch: 1011095375 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà

Nội chi nhánh Q. *Chúng tôi nghe bà Lê Thanh Thủy kể toán UBND PHUỜNG T kể lại:* khi làm việc liên quan đến việc chuyển tiền cho Công ty TNHH MTV Xây dựng Đtại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q, thì ông Vinh nói rằng đã hoàn thành trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q, nhưng để biết thêm về thông tin này thì bà Lê Thanh Thủy không biết liên hệ với ai và số điện thoại nào (*Vì trong biên bản đối chiếu công nợ kiêm cam kết thanh toán không ghi số điện thoại liên lạc*) nên bà Thủy phải tin tưởng vào lời nói của ông Vinh.

Ngày 08/02/2018 bộ phận kế toán của UBND PHUỜNG T có lập thủ tục trình lãnh đạo UBND PHUỜNG T thanh toán tiền xây dựng công trình: “Điểm SHVH tổ 17” cho Công ty TNHH MTV Xây dựng Đvới số tiền 129.800.000 đồng giao dịch qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội chi nhánh Q (*Theo phụ lục Hợp đồng số: 05B/2018/HĐ-TCXD ngày 07/02/2018 về việc thay đổi tên ngân hàng tài khoản giao dịch của nhà thầu*).

Đồng thời, ngày 05/07/2018 UBND PHUỜNG T và Công ty TNHH MTV Xây dựng Đcó thanh lý hợp đồng số 05/2016/HĐ-TCXD ngày 16/7/2016. Trong đó, Công ty TNHH MTV xây dựng Đđã ủng hộ số tiền 97.077.000 đồng để đóng góp cho địa phương xây dựng công trình Điểm SHVH tổ 17. Theo lời hứa của Công ty TNHH MTV xây dựng Đtrước đó. Hiện nay, UBND PHUỜNG T không còn nợ Công ty TNHH MTV Xây dựng Đ.

Việc UBND phường ký vào các biên bản trên là do tin vào bộ phận chuyên môn tham mưu chứ lãnh đạo UBND phường không đủ thời gian để kiểm tra cụ thể từng văn bản như vậy thì UBND phường cũng là nạn nhân do ông Vinh (Giám đốc Công ty TNHH MTV xây dựng Đ) gây ra hệ lụy. Nay Ủy ban nhân dân PHUỜNG T sẽ có trách nhiệm đôn đốc, thúc giục động viên ông Vinh trả nợ vay của Công ty TNHH MTV xây dựng Đcho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q chứ không có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV xây dựng Đ.

Tại phiên tòa đại diện Ủy ban nhân dân xã Ba T vắng mặt nhưng Tại văn bản số 90/UBND – Ban PT ngày 10/6/2021, Ủy ban nhân dân xã Ba T trình bày: Trong biên bản đối chiếu công nợ số 13/2017/PVB-CN QN NH. Quý ngân hàng yêu cầu chuyển số tiền 170.580.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng) cho Công ty TNHH MTV xây dựng Đtheo số tài khoản 102000429289 mở tại Ngân hàng Đ chi nhánh Q thì bị vướng vào hợp đồng và kiểm soát chi tại Kho bạc nhà nước cụ thể:

Theo như hợp đồng ký kết và kiểm soát cho Kho bạc của Công ty TNHH MTV xây dựng Đmọi việc thanh toán đều thông qua số tài khoản 57010001008686 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Quảng Ngãi. Chính vì vậy trước khi chuyển tiền Ban phát triển xã Ba T đã thông báo cho quý Ngân hàng Đ biết để phối hợp với Ngân hàng Đầu tư và phát triển Quảng Ngãi để yêu cầu Công ty TNHH MTV xây dựng Đthanh toán số tiền trên cho Ngân hàng Đ cho nên buộc Công ty TNHH MTV xây dựng Đphải rút tiền mặt tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển để chuyển trả cho Ngân hàng Đ có sự chứng kiến của Bà Nguyễn Nữ Thanh N nhân viên của Ngân hàng Đ. Do đó bên Ngân hàng Đ đã lấy được số tiền của Công ty TNHH MTV xây dựng Đnợ như trong bản cam kết.

Nay Ban phát triển xã Ba T không còn liên quan trong việc Ngân hàng Đ yêu cầu khởi kiện thế chấp quyền đòi nợ của Ban phát triển xã Ba T với Ngân hàng Đ.

Ủy ban nhân xã Ba T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Người đại diện theo pháp luật cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ theo quy định tại Điều 85, 86 BLTTDS. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc Công ty TNHH MTV xây dựng Đ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tạm tính đến ngày 13/01/2022 là 156.398.143 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 83.265.713 đồng, dư nợ lãi là 73.133.430 đồng. Trường hợp Công ty Đ không trả hoặc trả nợ không đầy đủ các khoản nợ nói trên cho Ngân hàng TMCP Đ, thì Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 490/2017/HĐBĐ – PVB – CNQNI.QLTD ngày 13/10/2017 tại giai đoạn thi hành án để thu hồi nợ cho Ngân hàng Đ. Án phí kinh doanh thương mại: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ có địa chỉ tại 78 Thành Thái, tổ 17 PHƯỜNG T, thành phố Q, TỈNH N phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử ngày 13/01/2022 tổng số tiền là: 156.398.143 đồng (Trong đó tiền nợ gốc là 83.265.713 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 349.273 đồng, nợ lãi quá hạn là 72.639.954 đồng, lãi chậm trả đối với lãi trong hạn chậm trả là 143.203 đồng) và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền 143.203 đồng không phải là lãi phạt chậm trả đối với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa thanh toán mà đây là số tiền lãi chậm trả đối với lãi trong hạn chậm trả được quy định tại khoản 3.4 Điều 3 của Hợp đồng cho vay số 489/2017/HĐTD/PVB – CNQNI.QLTD ngày 13/10/2017. Nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ không thanh toán được khoản nợ nói trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần A, thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 490/2017/HĐBĐ – PVB – CNQNI.QLTD ngày 13/10/2017. Tòa án nhân dân thành phố Q, TỈNH N xác định quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử ngày 13/01/2022 tổng số tiền là: 155.370.757 đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất

thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 14/01/2022 cho đến khi tất toán hợp đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án thì Ngân hàng và Công ty trách nhiệm một thành viên xây dựng Đ ký kết Hợp đồng cho vay số 489/2017/HĐTD/PVB – CNQNI.QLTD vay số tiền 278.000.000 đồng; Mục đích vay là: Phục vụ hoạt động thi công công trình số 22/2016/HĐ – TCXD ngày 12/12/2016 về việc thi công gói thầu số 5 “Dự án định canh, định cư tập trung Nà Kpác, thôn Gốc, xã Trà T, huyện Tây Trà, thời hạn vay từ ngày giải ngân đến ngày 30/12/2017; phương thức trả nợ: gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng vào ngày 25 hàng tháng. Ngân hàng Đ đã giải ngân 03 lần tổng cộng với số tiền 277.912.000 đồng. Quá trình vay, tính đến ngày 28/11/2020, Công ty Đ đã thanh toán được số tiền 201.619.086 đồng, nhưng sau đó không thanh toán nữa và đã vi phạm hợp đồng đã ký kết, nhiều lần Ngân hàng đã mời đại diện của Công ty làm việc để đề nghị thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng Đ. Tuy nhiên Công ty TNHH MTV xây dựng Đ vẫn không thanh toán cho Ngân hàng Đ. Tính đến ngày 13/01/2022, Công ty TNHH MTV xây dựng Đ còn nợ Ngân hàng Đ tổng số tiền 155.370.757 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 83.265.713 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 332.615 đồng, nợ lãi quá hạn là 71.631.188 đồng, lãi chậm trả đối với lãi trong hạn chậm trả là 141.241 đồng. Kể từ kỳ trả nợ ngày 30/12/2017, Công ty TNHH MTV xây dựng Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng hai bên ký kết. Tại phiên tòa, đại diện Công ty TNHH MTV xây dựng Đ thừa nhận toàn bộ số nợ như A yêu cầu, đồng ý trả khoản nợ nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 317, 318 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2.2] Ngày 11/10/2021 Ngân hàng Đ đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền đòi nợ theo Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2017/HĐXD ngày 23/01/2017 giữa Ban phát triển xã Ba T và Công ty TNHH MTV xây dựng Đ về việc thi công gói thầu: Nâng cấp đường giao thông nông thôn tổ Tà Lụi, thôn Kon Riêng, dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp quyền đòi nợ đối với Ủy ban nhân dân xã Ba T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng Đ trường hợp nếu Công ty TNHH MTV xây dựng Đ không trả hoặc trả nợ không đầy đủ các khoản nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ tại Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2016/HĐ – TCXD ngày 26/7/2016 giữa Ủy ban nhân dân PHƯỜNG T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tịnh Trà (nay là Công ty TNHH MTV xây dựng Đ) về việc thực hiện Công trình điểm sinh hoạt văn hóa tổ 17 PHƯỜNG T, thành phố Q theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 490/2017/HĐBĐ – PVB – CNQNI.QLTD ngày 13/10/2017.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 490/2017/HĐBĐ – PVB – CNQNI.QLTD ngày 13/10/2017 giữa bên thế chấp là Công ty TNHH MTV xây dựng Đ và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – chi nhánh Q được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được đăng ký giao dịch bảo đảm số 1265173744, hiệu lực đăng ký từ 14 giờ 20 phút ngày

13/10/2017 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm là hoàn toàn hợp pháp. Ngày 13/10/2017, Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Q đã có văn bản số 2911/TB –PVB –CNQNI về việc thông báo nghĩa vụ thanh toán có nội dung: “... Công ty TNHH MTV xây dựng Đã thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2016/HĐ –TCXD ngày 26/7/2016 ký giữa Ủy ban nhân dân PHUỜNG T và Công ty TNHH MTV Tỉnh Trà (nay là Công ty TNHH MTV Xây dựng Đ) về việc thi công Công trình điểm sinh hoạt văn hóa tổ 17 PHUỜNG T, thành phố Q cho A... toàn bộ các khoản thanh toán của Quý cơ quan đối với nghĩa vụ giữa Quý cơ quan và Công ty TNHH MTV Xây dựng Đphát sinh từ các hợp đồng nêu trên sẽ thuộc quyền thụ hưởng của Pvcom Bank...Đề nghị Quý cơ quan không xác nhận bất kỳ văn bản nào liên quan đến nghĩa vụ thanh toán đối với các Hợp đồng nêu trên cho bất kỳ cá nhân /tổ chức nào khác khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của A Quảng Ngãi.” Tại biên bản đối chiếu công nợ kiêm cam kết thanh toán số 12/2017/PVB-CNQNI ngày 03/10/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q, UBND PHUỜNG T và Công ty TNHH MTV xây dựng Đcó nội dung: UBND PHUỜNG T và Công ty TNHH MTV xây dựng Đcùng cam kết và đồng ý toàn bộ số tiền 226.887.000 đồng của Công ty TNHH MTV xây dựng Đnhận được từ UBND PHUỜNG T chỉ thanh toán duy nhất bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của Công ty TNHH MTV xây dựng Đmở tài khoản tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q. Nhưng sau đó Công ty TNHH MTV xây dựng Đlàm việc với kế toán UBND PHUỜNG T xin thay đổi Phụ lục Hợp đồng số: 05B/2018/HĐ-TCXD ngày 07/02/2018 về việc thay đổi tên ngân hàng tài khoản giao dịch của nhà thầu. Tên giao dịch: Công ty TNHH MTV xây dựng Đ. Số tài khoản giao dịch: 1011095375 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Q. Vì vậy, UBND PHUỜNG T đã ký phụ lục hợp đồng số 05B/2018/HĐ-TCXD ngày 07/02/2018 với Công ty TNHH MTV xây dựng Đ. Tuy nhiên UBND PHUỜNG T không thông báo với Ngân hàng TMCP Đại Chúng về việc thay đổi tài khoản này. Mặt khác, theo các tài liệu, chứng cứ mà bên UBND PHUỜNG T cung cấp thì khoản nợ giữa UBND PHUỜNG T và Công ty TNHH MTV xây dựng Đđã thanh toán xong, hai bên đã thanh lý xong Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2016/HĐ – TCXD ngày 26/7/2016. Tuy nhiên, đại diện UBND Trần Phú thừa nhận sai sót trong việc “*tin vào bộ phận chuyên môn tham mưu chỉ lãnh đạo UBND phường không đủ thời gian để kiểm tra cụ thể từng văn bản như vậy...*” Tại phiên tòa, đại diện UBND PHUỜNG T đồng ý với yêu cầu của A về việc: Trong trường hợp Công ty TNHH MTV xây dựng Đkhông trả hoặc trả nợ không đầy đủ các khoản nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ tại Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2016/HĐ – TCXD ngày 26/7/2016 giữa Ủy ban nhân dân PHUỜNG T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tỉnh Trà (nay là Công ty TNHH MTV xây dựng Đ) về việc thực hiện Công trình điểm sinh hoạt văn hóa tổ 17 PHUỜNG T, thành phố Q theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 490/2017/HĐBĐ – PVB – CNQNI.QLTD ngày 13/10/2017. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng TMCP Đ.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 3.568.647 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006604 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, TỈNH N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Khoản 1 Điều 147, 157, 158, Khoản 2, 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 244, Điều 317, 318, 319, 323, 325, 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày 13/01/2022 tổng số tiền 155.370.757 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 83.265.713 đồng (tám mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm mười ba đồng), tiền nợ lãi trong hạn là 332.615 đồng (ba trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm mười lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 71.631.188 đồng (Bảy mươi một triệu sáu trăm ba mươi một nghìn một trăm tám mươi tám đồng), lãi chậm trả đối với lãi trong hạn chậm trả là số tiền 141.241 đồng (một trăm bốn mươi một nghìn hai trăm bốn mươi một đồng)

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 489/2017/HĐTD /PVB – CNQNI.QLTD ngày 13/10/2017 kể từ ngày 14/01/2022 cho đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

3. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền đòi nợ theo Hợp đồng thi công xây dựng số 01/2017/HĐXD ngày 23/01/2017 giữa Ban phát triển xã Ba T và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ về việc thi công gói thầu: Nâng cấp đường giao thông nông thôn tổ Tà Lùi, thôn Kon Riêng, dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên.

4. Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm thế chấp là quyền đòi nợ tại Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2016/HĐ – TCXD ngày 26/7/2016 giữa Ủy ban nhân dân PHƯỚC T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tịnh Trà (nay là Công ty TNHH MTV xây dựng Đ) về việc thực hiện Công trình điểm sinh hoạt

văn hóa tổ 17 PHƯỜNG T, thành phố Q theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hai bên số 490/2017/HĐBĐ – PVB – CNQNI.QLTD ngày 13/10/2017.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ phải chịu là 7.768.538 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 3.568.647 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006604 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, TỈNH N.

6. Nguyên đơn không có mặt khi tuyên án nhưng có đơn xin vắng mặt có lý do chính đáng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND TỈNH N;
- VKSND TP Q;
- CCTHADS TP Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Túc